

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----***-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2018

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2018

Toàn Công ty

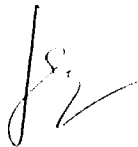
<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KỲ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ IV NĂM 2018	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ IV NĂM 2018	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ IV NĂM 2018	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ IV NĂM 2018	5-21

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ IV NĂM 2018***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2018 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2018 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		137.277.337.873	150.723.958.235
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	27.652.496.804	25.000.672.722
1 - Tiền	111		27.652.496.804	25.000.672.722
2 - Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	-	10.554.993.400
3- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.554.993.400
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.868.497.747	52.004.327.167
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	31.677.696.447	30.787.378.079
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		621.963.795	2.164.654.903
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.997.012.259	20.480.468.939
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(1.428.174.754)	(1.428.174.754)
IV - Hàng tồn kho	140		42.121.788.783	36.871.794.305
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	42.121.788.783	36.871.794.305
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		18.634.554.539	26.292.170.641
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.960.822.434	5.997.496.911
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.299.587.188	11.920.528.813
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.374.144.917	8.374.144.917
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		573.036.241.591	722.566.452.571
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II - Tài sản cố định	220		558.537.150.107	682.569.274.452
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	558.537.150.107	682.569.274.452
- Nguyên giá	222		1.535.354.033.020	1.663.840.530.254
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(976.816.882.913)	(981.271.255.802)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		238.654.500	238.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(238.654.500)	(238.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	-
- Nguyên giá	231		5.785.803.477	5.785.803.477
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(5.785.803.477)	(5.785.803.477)
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	589.338.109	91.957.200
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		589.338.109	91.957.200
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.306.829.805	4.417.446.100
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	5.998.468.525	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.691.638.720)	(1.581.022.425)
V - Tài sản dài hạn khác	260		9.602.923.570	35.487.774.819
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	9.602.923.570	35.487.774.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		710.313.579.464	873.290.410.806

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2018 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2018 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		675.517.202.511	871.718.056.209
I - Nợ ngắn hạn	310		289.499.218.179	380.860.335.957
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	73.891.749.073	96.300.314.123
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.672.550.000	48.384.000
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.991.475.697	3.079.452.088
4 - Phải trả người lao động	314		12.315.614.258	7.484.675.435
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.761.887.590	1.528.921.235
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	14.290.280.687	18.592.374
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	34.845.853.584	42.344.266.376
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	137.682.493.190	226.622.086.226
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.047.314.100	3.433.644.100
II - Nợ dài hạn	330		386.017.984.332	490.857.720.252
7 - Phải trả dài hạn khác	337		100.164.979.332	10.331.287.252
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	285.853.005.000	480.526.433.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.796.376.953	1.572.354.597
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	34.796.376.953	1.572.354.597
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(248.136.344.901)	(281.360.367.257)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(266.612.126.172)	(205.476.521.927)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.475.781.271	(75.883.845.330)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		710.313.579.464	873.290.410.806

Lập ngày 14 tháng 01 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



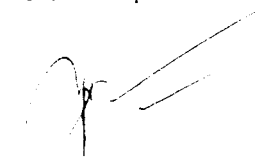
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ IV NĂM 2018**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ IV NĂM 2018		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			QUÝ IV NĂM 2018	QUÝ IV NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2017
			TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	216.013.353.608	165.154.914.224	765.279.656.939	558.845.017.673
2- Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	216.013.353.608	165.154.914.224	765.279.656.939	558.845.017.673
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	211.708.897.371	168.379.896.911	729.763.679.661	598.149.058.887
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		4.304.456.237	(3.224.982.687)	35.515.977.278	(39.304.041.214)
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	1.914.366.203	726.776.570	5.911.876.494	3.237.962.722
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	5.533.048.911	2.421.035.909	38.267.358.339	30.393.500.687
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		5.239.235.974	2.476.245.475	28.964.930.785	30.300.520.231
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	4.470.788.569	3.509.561.652	13.230.837.590	10.976.426.592
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	6.195.287.144	6.784.846.657	22.624.546.650	24.256.579.920
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)	30		(9.980.302.184)	(15.213.650.335)	(32.694.888.807)	(101.692.585.691)
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	28.465.174.366	25.865.480.637	77.465.363.191	26.022.011.848
12 - Chi phí khác	32	VI.31	9.090.911	4.010.942	11.546.452.028	213.271.487
13 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		28.456.083.455	25.861.469.695	65.918.911.163	25.808.740.361
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		18.475.781.271	10.647.819.360	33.224.022.356	(75.883.845.330)
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		18.475.781.271	10.647.819.360	33.224.022.356	(75.883.845.330)
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		924	532	1.661	(3.794)
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		924	532	1.661	(3.794)

Lập ngày 14 tháng 01 năm 2019

NGƯỜI LẬP

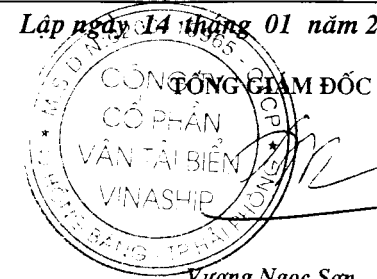


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số : B03 -DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ IV NĂM 2018

Đơn vị tính : đồng

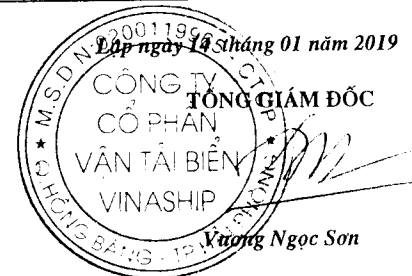
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế năm 2018	
			NĂM 2018	NĂM 2017
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác			793.247.354.914	577.731.326.643
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ			(588.151.954.724)	(458.449.877.959)
3 - Tiền chi trả cho người lao động			(75.493.628.948)	(72.467.005.776)
4 - Tiền chi trả lãi vay			(3.765.638.055)	(8.636.438.306)
5 - Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp			-	-
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			29.449.306.229	23.821.950.425
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(49.587.685.570)	(41.884.746.684)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD			105.697.753.846	20.115.208.343
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác			(1.768.780.909)	(314.774.450)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác			29.149.986.273	199.500.000
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			-	-
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			10.554.993.400	20.883.747.596
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			-	(1.000.000.000)
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			-	1.000.000.000
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			839.664.651	46.563.062
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			38.775.863.415	20.815.036.208
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			5.120.000.000	97.983.292.003
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay			(146.896.720.700)	(127.787.611.469)
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			-	(3.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			(141.776.720.700)	(29.808.219.466)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)			2.696.896.561	11.122.025.085
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		25.000.672.722	13.880.027.622
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61	(45.072.479)	(1.379.985)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		27.652.496.804	25.000.672.722

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **QUY IV NĂM 2018**

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51%

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam
- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN dịch vụ vận tải tại số địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

XN xếp dỡ vận tải và dịch vụ tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 530 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý IV năm 2018 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :

Trong quý 4 năm 2018, nhờ nhu cầu nhập khẩu gạo vào Philippines tập trung từ cuối tháng 11 qua hết tháng 12/2018 nên một số tàu của công ty đã tham gia vận chuyển với giá cước được duy trì ở mức cao, đồng thời các mặt hàng khác như xi măng, rock phosphate cũng không có biến động giảm về giá cước. Song, tuy có những thuận lợi về nguồn hàng và giá cước, nhưng những yếu tố bất lợi trong quá trình khai thác tàu vẫn tồn tại như việc giải phóng hàng chậm tại các đầu dỡ hàng, thời gian chờ cầu lâu của các tàu gạo dẫn đến phát sinh chi phí ngày tàu, nhiên liệu và cảng phí, làm giảm hiệu quả khai thác của đội tàu trong quý 4.

Công ty đã hoàn thành tái cơ cấu nợ tại một số tổ chức tín dụng để cải thiện tình hình tài chính.

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- **Kỳ kế toán năm** : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý IV năm 2018 bắt đầu từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018.

2- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Chế độ kế toán áp dụng** : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT/BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

- Trích trước chi phí sửa chữa lớn : Công ty trích chi phí sửa chữa lớn cho đội tàu biển của Công ty. Công ty xây dựng dự tính mức chi phí sửa chữa 1 lần lên đà (2,5 năm 1 lần). Sau đó tính trích chi phí sửa chữa cho 1 năm. Sau 3 năm sẽ quyết toán số chi phí sửa chữa lớn đã trích và số thực tế đã phát sinh. Theo chu kỳ mới, năm 2016 công ty bắt đầu trích sửa chữa lớn đội tàu và quyết toán vào năm 2018.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	<u>Toàn Công ty</u>	<u>Toàn Công ty</u>
	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
1- Tiền		
- Tiền mặt	448.001.000	1.405.297.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.204.495.804	23.595.375.722
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>27.652.496.804</u>	<u>25.000.672.722</u>
2- Các khoản đầu tư tài chính	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	10.554.993.400
b1) Ngắn hạn	-	10.554.993.400
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	10.554.993.400
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.998.468.525	5.998.468.525
- Đầu tư cổ phiếu	5.998.468.525	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 31/12/2018</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 516.553 CP	4.185.040.000	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	1.276.000.000	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
Cộng	<u>5.998.468.525</u>	<u>5.998.468.525</u>
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	(1.178.200.000)	(1.074.400.000)
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(513.438.720)	(506.701.520)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	-	79.095
Cộng	<u>(1.691.638.720)</u>	<u>(1.581.022.425)</u>
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
- EOL Shipping Ltd	-	6.048.666.450
- Công ty CP thương mại NCL	-	178.928.067
- Cty CP Xi măng Cẩm Phả	2.934.397.400	-
- Công ty TNHH VT hàng công nghệ cao tại HP (Transvina)	2.388.052.722	1.170.531.271
- Cty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	6.663.041.156	
- Cty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	2.738.588.119	
- Công ty TNHH giao nhận Hoàng Kim Phát	1.154.934.000	1.575.328.000
- Công ty TNHH thương mại vận tải Việt Dũng	744.753.500	881.590.000
- Cty TNHH đầu tư phát triển quốc tế Sơn Hà	360.754.000	4.338.704.000
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	14.693.175.550	16.593.630.291
Cộng	<u>31.677.696.447</u>	<u>30.787.378.079</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09-DN

4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Ngày 31/12/2018	Ngày 01/01/2018
- Tạm ứng	4.646.501.248	6.473.053.920
- Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	2.298.837.062	1.870.108.504
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Bảo hiểm xã hội	1.479.674.168	2.582.762.034
- Bảo hiểm y tế	9.462.967	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	174.062.381	116.950.361
- Các khoản chi hộ	1.196.468.840	1.130.394.566
- Các khoản phải thu khác	809.518.019	964.711.980
+ Phải thu khác	809.518.019	964.711.980
Cộng	17.997.012.259	20.480.468.939
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Ngày 31/12/2018	Ngày 01/01/2018
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
Cộng	1.428.174.754	1.428.174.754
6- Hàng tồn kho	Ngày 31/12/2018	Ngày 01/01/2018
- Nguyên liệu, vật liệu	39.991.386.778	36.687.394.164
- Chi phí dịch vụ dở dang	1.910.834.647	
- Hàng hoá	219.567.358	184.400.141
Cộng	42.121.788.783	36.871.794.305
7- Xây dựng cơ bản dở dang	Ngày 31/12/2018	Ngày 01/01/2018
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Phí khảo sát, lập trích lục địa chính	50.741.818	-
+ Phí tư vấn khảo sát địa chất lập dự án	446.639.091	
Cộng	589.338.109	91.957.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Phường Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm 2018

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ		24.809.967.875	1.638.565.655.436	130.752.694	334.154.249	1.663.840.530.254
2. Số tăng trong kỳ		47.950.000	1.223.450.000	-	-	1.271.400.000
Trong đó :						
- Do mua sắm		47.950.000	1.223.450.000			1.271.400.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3. Số giảm trong kỳ		-	129.757.897.234	-	-	129.757.897.234
Trong đó :						
- Thanh lý, nhượng bán			129.757.897.234			129.757.897.234
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Bàn giao nhà cho TP xây cầu theo dự án						-
4. Số cuối kỳ		24.857.917.875	1.510.031.208.202	130.752.694	334.154.249	1.535.354.033.020
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.713.597.924	67.333.155.870	100.752.694	284.881.522	71.432.388.010
- Chờ thanh lý						
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
1. Đầu kỳ		14.249.300.513	966.597.579.629	107.043.019	317.332.641	981.271.255.802
2. Tăng trong kỳ		1.016.862.182	93.109.490.107	4.285.716	12.318.180	94.142.956.185
- Khấu hao		1.016.862.182	93.109.490.107	4.285.716	12.318.180	94.142.956.185
- Chuyển từ BDS đầu tư sang						-
3. Giảm trong kỳ		-	98.597.329.074	-	-	98.597.329.074
- Thanh lý, nhượng bán			98.597.329.074			98.597.329.074
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Bàn giao nhà cho TP xây cầu theo dự án						
4. Số cuối kỳ		15.266.162.695	961.109.740.662	111.328.735	329.650.821	976.816.882.913
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		10.560.667.362	671.968.075.807	23.709.675	16.821.608	682.569.274.452
2. Cuối kỳ		9.591.755.180	548.921.467.540	19.423.959	4.503.428	558.537.150.107
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			546.113.531.763			546.113.531.763

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

9- Tăng , giảm tài sản cố định vô hình năm 2018 :

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu năm	-	238.654.500	238.654.500
2 . Số tăng trong năm	-	-	-
3 . Số giảm trong năm	-	-	-
Trong đó :			
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Chuyển sang CCDC theo TT45			-
4 . Số dư cuối năm	-	238.654.500	238.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Số dư đầu năm	-	238.654.500	238.654.500
2 . Số tăng trong năm	-	-	-
- Do trích khấu hao		-	-
3 . Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
4 . Số cuối năm	-	238.654.500	238.654.500
III - Giá trị còn lại			
1 . Số dư đầu năm	-	-	-
4 . Số dư cuối năm	-	-	-

10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính năm 2018 : Không có

11 - Tăng , giảm bất động sản đầu tư năm 2018:

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIÊN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
2 . Số tăng trong năm	-	-	-
3 . Số giảm trong năm	-	-	-
Trong đó :			
- Thanh lý, nhượng bán			-
4 . Số dư cuối năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Số dư đầu năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
2 . Số tăng trong năm	-	-	-
- Do trích khấu hao			-
3 . Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			-
4 . Số cuối năm	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
III - Giá trị còn lại			
1 . Số dư đầu năm	-	-	-
4 . Số dư cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<u>Toàn Công ty</u> <u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Toàn Công ty</u> <u>Ngày 01/01/2018</u>
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	2.888.986.170	4.596.808.190
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	71.836.264	1.400.688.721
Cộng	2.960.822.434	5.997.496.911
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	9.602.923.570	35.487.774.819
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	9.602.923.570	35.487.774.819
14- Vay và nợ thuê tài chính	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
a) Vay ngắn hạn	26.680.000.000	94.323.834.567
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng TMCP hàng hải	-	69.593.834.567
+ Vay cá nhân	26.680.000.000	24.730.000.000
b) Vay dài hạn	396.855.498.190	612.824.684.659
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	111.002.493.190	132.298.251.659
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	14.410.000.000	-
+ Vay Ngân hàng TMCP hàng hải	-	85.098.143.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	46.342.493.190	27.730.388.659
+ Vay Ngân hàng TMCP công thương Việt nam - CN Lê Chân	-	19.469.720.000
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	50.250.000.000	-
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	285.853.005.000	480.526.433.000
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	87.175.450.000	101.885.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP hàng hải	-	73.746.113.500
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	168.927.555.000	183.548.020.000
+ Vay Ngân hàng TMCP công thương Việt nam - CN Lê Chân	-	121.346.849.500
+ Nợ dài hạn DATC	29.750.000.000	-
Cộng	423.535.498.190	707.148.519.226
15- Phải trả người bán	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
BMS United Bunkers (Asia) Pte Ltd	-	5.259.585.643
Glander International	2.612.823.561	12.981.026.400
Cockett Marine Oil	6.920.017.748	12.722.554.949
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	12.183.437.670	11.987.679.011
Bunkers Marine Pte Ltd	9.594.630.600	3.530.024.000
Cty CP dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	6.125.162.620	6.672.391.610
Cty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	4.289.939.988	1.611.405.269
Cty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	8.047.248.350	574.000.000
Phải trả các đối tượng khác	24.118.488.536	40.961.647.241
Cộng	73.891.749.073	96.300.314.123

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
a) Phải nộp		
- Thuế GTGT hàng nội địa	2.956.098.817	3.048.770.380
- Thuế thu nhập cá nhân	35.376.880	30.681.708
Cộng	<u><u>2.991.475.697</u></u>	<u><u>3.079.452.088</u></u>
b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	8.374.144.917	8.374.144.917
Cộng	<u><u>8.374.144.917</u></u>	<u><u>8.374.144.917</u></u>
17- Chi phí phải trả	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	201.674.781	911.325.295
- Chi phí phải trả khác	2.560.212.809	617.595.940
	<u><u>2.761.887.590</u></u>	<u><u>1.528.921.235</u></u>
18- Phải trả khác	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	660.761.112	605.556.858
- Kinh phí công đoàn	1.362.124.222	2.194.182.623
- Bảo hiểm y tế	-	101.907.505
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	7.240.234	36.149.563
- Thuế TNCN	107.837.388	158.023.682
- Phải trả về cổ phần hóa	1.801.379.706	2.201.379.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.025.305.000	10.025.305.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	3.160.496.716	3.274.713.038
- Phải trả Cty TNHH MTV quản lý và kinh doanh nhà HP	-	856.001.000
- Phải trả lãi vay công ty mua bán nợ VN (DATC)	4.124.383.562	-
- Phải trả lãi vay các ngân hàng TMCP	6.526.700.738	15.466.011.433
- Khoản thu đòi bồi thường di dời trụ sở	6.345.004.007	6.361.325.107
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	724.620.899	1.063.710.861
Cộng	<u><u>34.845.853.584</u></u>	<u><u>42.344.266.376</u></u>
Dài hạn		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	16.977.923.326	10.331.287.252
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	83.187.056.006	-
Cộng	<u><u>100.164.979.332</u></u>	<u><u>10.331.287.252</u></u>
19- Doanh thu chưa thực hiện	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 01/01/2018</u>
Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	14.290.280.687	18.592.374
Cộng	<u><u>14.290.280.687</u></u>	<u><u>18.592.374</u></u>
20- Tài sản thuế thu nhập hoàn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu năm 2018**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(205.476.521.927)	77.456.199.927
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lỗ năm 2017				(75.883.845.330)	(75.883.845.330)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597
- Lỗ Quý I năm 2018				(14.135.879.825)	(14.135.879.825)
- Lỗ Quý II năm 2018				(1.383.996.107)	(1.383.996.107)
- Lãi Quý III năm 2018				30.268.117.017	30.268.117.017
- Lãi Quý IV năm 2018				18.475.781.271	18.475.781.271
Số dư cuối ngày 31/12/2018	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(248.136.344.901)	34.796.376.953

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Toàn Công ty	Toàn Công ty
	Ngày 31/12/2018	Ngày 01/01/2018
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 02/07/2018</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VĐL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông Nguyễn Quang Dũng 5,17%	10.349.500.000	10.003.500.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 43,83 % VĐL	87.650.500.000	87.996.500.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	Năm 2018	Năm 2017
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
	200.000.000.000	200.000.000.000
d) Cổ phiếu	Ngày 31/12/2018	Ngày 01/01/2018
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
đ) Cổ tức		
e) Các quỹ của doanh nghiệp :		
- Quỹ đầu tư phát triển	Năm 2018	Năm 2017
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	-	-
+ Số dư quỹ cuối năm	82.932.721.854	82.932.721.854
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	Ngày 31/12/2018	Ngày 01/01/2018
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	637.146,21	426.516,66
b) Nợ khó đòi đã xử lý		
- Phải thu khách hàng	303.509.700	303.509.700

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)	Năm 2018	Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	765.279.656.939	558.845.017.673
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu bán hàng	4.184.662.545	4.460.674.048
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	761.094.994.394	554.384.343.625
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)	765.279.656.939	558.845.017.673
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Năm 2018	Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	3.940.963.334	4.145.605.804
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	725.822.716.327	594.003.453.083
Cộng	729.763.679.661	598.149.058.887
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Năm 2018	Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	799.657.451	884.711.656
- Lãi cho vay	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.200	40.007.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.112.211.843	951.776.715
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	1.361.467.151
Cộng	5.911.876.494	3.237.962.722
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	Năm 2018	Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
- Chi phí lãi vay	28.964.930.785	30.300.520.231
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.453.306.522	222.988.325
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	3.738.163.687	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	110.616.295	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	(130.463.850)
- Chi phí tài chính khác	341.050	455.981
Cộng	38.267.358.339	30.393.500.687
30- Thu nhập khác	Năm 2018	Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	156.363.636
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	77.465.363.191	25.865.648.212
Cộng	77.465.363.191	26.022.011.848
31- Chi phí khác	Năm 2018	Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
- Chênh lệch lỗ khi nhượng bán TSCĐ	9.676.218.251	-
- Phạt chậm nộp BHXH	1.848.118.899	-
- Các khoản bị phạt	2.100.000	4.000.000
- Các khoản khác	20.014.878	209.271.487
Cộng	11.546.452.028	213.271.487

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2018	Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
a) Chi phí bán hàng	13.230.837.590	10.976.426.592
Hoa hồng phí cho các tàu	13.230.837.590	10.976.426.592
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.624.546.650	24.256.579.920
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.202.150.017	1.065.570.587
Chi phí nhân công	15.803.500.873	16.440.071.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	323.370.252	374.374.536
Thuế, phí, lệ phí	27.082.000	6.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	119.475.379
Chi phí hoàn nhập dự phòng	-	(72.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.113.718.512	4.628.639.912
Chi phí khác bằng tiền	1.154.724.996	1.694.447.767
Cộng	35.855.384.240	35.233.006.512
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :	Năm 2018	Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	266.040.541.718	208.045.046.754
- Nhiên liệu	222.092.860.754	165.425.458.644
- Nguyên liệu, vật liệu	43.947.680.964	42.619.588.110
33.2- Chi phí nhân công	90.850.830.259	81.627.889.598
- Tiền lương	75.610.428.607	66.017.902.269
- BHXH	5.671.512.527	5.980.055.259
- Bảo hiểm y tế	637.652.152	647.971.512
- Bảo hiểm thất nghiệp	324.282.645	337.534.270
- Kinh phí công đoàn	269.239.828	672.152.438
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	8.337.714.500	7.972.273.850
33.3- Chi phí trích lập dự phòng	-	47.475.379
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.142.956.185	97.604.291.928
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.110.779.166	239.559.921.783
33.6- Chi phí khác bằng tiền	6.443.827.886	6.497.439.957
Cộng	763.588.935.214	633.382.065.399

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ :

	Năm 2018	Năm 2017
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	5.120.000.000	97.983.292.003
- Tiền thu từ đi vay	5.120.000.000	97.983.292.003
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	146.896.720.700	127.787.611.469
- Tiền trả nợ gốc vay	146.896.720.700	127.787.611.469

VIII CÁC THÔNG TIN KHÁC**3) NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm	31/12/2018	01/01/2018
Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam		
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	9.400.000.000	9.400.000.000
- Phải trả về cổ phần hóa Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	1.801.379.706	2.201.379.706
	Năm 2018	Năm 2017
- Phải thu của người mua Tổng cty Hàng hải VN		
Phát sinh trong năm:	2.897.727.273	-
Đã thu trong năm	2.897.727.273	-
- Phải trả người bán Tổng cty Hàng hải VN		
Phát sinh trong năm:	3.000.000	-
Đã trả trong năm	3.000.000	-
THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1.809.859.928	1.945.735.040

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý IV năm 2018	năm 2018	Quý IV năm 2017	năm 2017
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	164.237.694.412	628.505.218.854	142.472.415.837	463.873.138.400
- Chi phí	171.420.746.122	631.691.760.303	156.916.010.505	541.526.200.358
- Lợi nhuận	(7.183.051.710)	(3.186.541.449)	(14.443.594.668)	(77.653.061.958)
Thuê tàu biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.662.723.773	13.000.761.500		
- Chi phí	2.607.005.954	12.509.327.954		
- Lợi nhuận	55.717.819	491.433.546		
Hoạt động xếp dỡ giao nhận container				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	8.417.110.331	24.774.601.949	3.804.800.201	14.019.970.877
- Chi phí	8.296.409.824	24.125.528.512	3.598.613.148	13.447.946.216
- Lợi nhuận	120.700.507	649.073.437	206.187.053	572.024.661
Hoạt động DV nâng hạ Container				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	100.416.772	516.560.449	2.261.380.201
- Chi phí	-	476.318.149	764.536.235	4.334.866.543
- Lợi nhuận	-	(375.901.377)	(247.975.786)	(2.073.486.342)
Hoạt động Đại lý tàu biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	13.980.000	77.632.998	32.056.818	55.693.181
- Chi phí	-	7.558.117	20.622.727	28.709.090
- Lợi nhuận	13.980.000	70.074.881	11.434.091	26.984.091
Đại lý giao nhận, vận tải hàng Cont				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	4.387.126.454	17.954.881.724	12.222.728.185	53.645.166.676
- Chi phí	4.386.444.549	18.800.897.150	11.984.613.292	53.682.245.754
- Lợi nhuận	681.905	(846.015.426)	238.114.893	(37.079.078)
Hoạt động cho thuê văn phòng và nhà làm việc				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	399.625.527	1.752.722.137	433.844.344	2.087.360.759
- Chi phí	104.457.000	213.334.000	78.075.000	151.731.000
- Lợi nhuận	295.168.527	1.539.388.137	355.769.344	1.935.629.759
Hoạt động thương mại				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	848.628.200	3.782.080.729	748.184.618	4.460.674.048
- Chi phí	858.533.479	3.608.833.334	649.672.213	4.145.605.804
- Lợi nhuận	(9.905.279)	173.247.395	98.512.405	315.068.244
Hoạt động dịch vụ vận tải hàng rời (BQL)				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	31.692.487.735	64.690.600.870	-	-
- Chi phí	31.363.008.970	63.693.947.487	-	-
- Lợi nhuận	329.478.765	996.653.383	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý IV năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

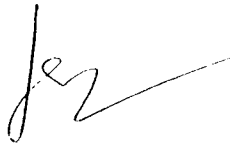
Các hoạt động	Quý IV năm 2018	năm 2018	Quý IV năm 2017	năm 2017
Hoạt động dịch vụ vận tải hàng cont (BQL)				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.605.974.541	6.791.177.423	-	-
- Chi phí	2.515.787.340	6.755.629.025	-	-
- Lợi nhuận	90.187.201	35.548.398	-	-
Hoạt động SXKD khác				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	748.002.635	3.849.561.983	4.924.323.772	18.441.633.531
- Chi phí	822.579.846	3.735.929.870	4.662.162.100	16.064.760.634
- Lợi nhuận	(74.577.211)	113.632.113	262.161.672	2.376.872.897
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	1.914.366.203	5.911.876.494	726.776.570	3.237.962.722
- Chi phí tài chính	5.533.048.911	38.267.358.339	2.421.035.909	30.393.500.687
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(3.618.682.708)	(32.355.481.845)	(1.694.259.339)	(27.155.537.965)
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	28.465.174.366	77.465.363.191	25.865.480.637	26.022.011.848
- Chi phí hoạt động khác	9.090.911	11.546.452.028	4.010.942	213.271.487
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	28.456.083.455	65.918.911.163	25.861.469.695	25.808.740.361

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn